

NGHỊ QUYẾT

**Quy định các nội dung, mức chi và chế độ hỗ trợ công tác dự phòng
nghiện, cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA IX, NHIỆM KỲ 2016 - 2021, KỲ HỌP THỨ 16**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự,
an toàn xã hội, phòng, chống tệ nạn xã hội, phòng, chống bạo lực gia đình;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12
năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính
đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP
ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy
phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện;*

*Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của
Chính phủ quy định về chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ
chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính
và chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;*

*Căn cứ Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp
dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy
bắt buộc tại cộng đồng;*

Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;

Xét Tờ trình số 7661/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị thông qua Nghị quyết quy định các nội dung, mức chi và chế độ hỗ trợ công tác dự phòng nghiện, cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định các nội dung, mức chi hỗ trợ công tác dự phòng nghiện ma túy

1. Hỗ trợ sinh kế, tự học nghề cho người sử dụng trái phép chất ma túy bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính lần đầu theo Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ, còn trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực (sau đây viết tắt là người có nguy cơ cao nghiện ma túy); người đang chấp hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền về cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú trên địa bàn thành phố, với mức chi tối đa không quá 10.000.000 đồng/đối tượng.

a) Nội dung chi thực hiện

- Chi hỗ trợ mua sắm phương tiện, công cụ, vật nuôi, cây giống... phục vụ cho hoạt động lao động sản xuất, kinh doanh;

- Chi hỗ trợ cho cơ sở dạy nghề; cơ sở sản xuất, kinh doanh trực tiếp dạy nghề, truyền nghề cho đối tượng để giải quyết việc làm.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Là người có hộ khẩu thường trú hoặc có đăng ký tạm trú 01 năm trở lên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

- Có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, chưa có việc làm, có nhu cầu hỗ trợ sinh kế, tự học nghề và được hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên: Người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công cách mạng; người khuyết tật; người chưa thành niên; người thuộc diện bảo trợ xã hội; người có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế (gia đình có người mắc bệnh hiểm nghèo; gia đình có người ốm đau thường xuyên, không còn khả năng lao động);

- Đối với hỗ trợ sinh kế thì phải có phương án sản xuất kinh doanh phù hợp, khả thi; đối với hỗ trợ học nghề, truyền nghề thì phải có hợp đồng giữa Ủy ban nhân dân xã, phường với cơ sở sản xuất, kinh doanh trước khi tiến hành hỗ trợ.

c) Nguyên tắc hỗ trợ

- Mỗi đối tượng có thể vừa được học nghề, vừa được hỗ trợ sinh kế;

- Mỗi đối tượng chỉ được hỗ trợ 01 lần và không được hưởng chính sách hỗ trợ học nghề khác theo quy định của thành phố;

2. Hỗ trợ chi phí cho Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện công tác dự phòng nghiên cứu với mức chi không quá 20.000.000 đồng/xã, phường/năm.

a) Nội dung chi thực hiện

- Tổ chức sinh hoạt định kỳ (tài liệu, nước uống, chi thuê địa điểm, bàn ghế, loa đài và các trang thiết bị cần thiết khác);

- Tổ chức cho chuyên gia tư vấn, nói chuyện chuyên đề;

- Tổ chức các hoạt động phòng, chống ma túy; tập huấn kỹ năng sống; tổ chức hoạt động dã ngoại kết hợp giáo dục trực quan, truyền thông phòng, chống tệ nạn ma túy.

b) Mức chi: Theo quy định hiện hành.

3. Hằng năm, tại thời điểm lập dự toán, tùy tình hình thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm lập dự toán, gửi Ủy ban nhân dân quận, huyện tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Quy định các nội dung, mức chi và chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy

1. Tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân cho học viên cai nghiện tập trung tại cơ sở cai nghiện công lập bằng 1,3 mức lương cơ sở/học viên/năm.

2. Tiền văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí, ngoài mức chi là 70.000 đồng/học viên/năm theo quy định của Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, hằng năm, ngân sách thành phố cân đối bố trí kinh phí để mua sắm, sửa chữa các dụng cụ thể thao, trang thiết bị phục vụ văn nghệ và tổ chức hội thi, hội diễn...cho học viên cai nghiện tại cơ sở cai nghiện công lập với mức 200.000.000 đồng/năm.

Hằng năm, tại thời điểm lập dự toán, cơ sở cai nghiện công lập chịu trách nhiệm lập dự toán, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chi bồi dưỡng cho lực lượng tăng cường làm nhiệm vụ phối hợp đảm bảo an ninh trật tự tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập với mức 50.000 đồng/người/ngày.

Hằng năm, tại thời điểm lập dự toán, cơ sở cai nghiện công lập chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan lập dự toán, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Các khoản đóng góp và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện công lập

a) Các khoản đóng góp:

- Chi phí khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ

thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ; tiền thuốc cắt con, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội, thuốc chữa bệnh thông thường: Mức đóng góp theo quy định hiện hành về giá dịch vụ khám, chữa bệnh.

- Tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân cho học viên cai nghiện tập trung tại cơ sở cai nghiện công lập: Mức đóng góp bằng 1,3 mức lương cơ sở/người/năm.

- Tiền ăn; tiền học văn hoá; điện, nước sinh hoạt: Mức đóng góp theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Chi phí học nghề: Mức đóng góp theo quy định hiện hành.

- Tiền văn hóa, văn nghệ, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí: Mức đóng góp 70.000 đồng/học viên/năm.

b) Chế độ hỗ trợ:

Hỗ trợ toàn bộ các khoản đóng góp tại điểm a khoản 4 Điều này cho người nghiện ma túy có hộ khẩu thường trú hoặc có đăng ký tạm trú 01 năm trở lên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, tự nguyện thực hiện cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện công lập, với mức chi bằng với mức chi cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Hàng năm, tại thời điểm lập dự toán, cơ sở cai nghiện công lập dự toán phù hợp tình hình thực tế, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Các khoản đóng góp và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

a) Các khoản đóng góp:

Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy; các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt con và tiền thuốc hỗ trợ cắt con nghiện: Mức đóng góp theo quy định hiện hành về giá dịch vụ khám, chữa bệnh.

b) Chế độ hỗ trợ:

Hỗ trợ toàn bộ các khoản đóng góp tại điểm a khoản 5 Điều này đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với Cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật; có hộ khẩu thường trú hoặc có đăng ký tạm trú 01 năm trở lên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và có quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường.

Hàng năm, tại thời điểm lập dự toán, các cơ sở y tế được giao nhiệm vụ cắt con, giải độc ma túy chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường lập dự toán phù hợp với tình hình thực tế, gửi Sở Y tế tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Các khoản đóng góp và chế độ miễn các khoản đóng góp đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng

a) Các khoản đóng góp:

Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy; các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn và tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện: Mức đóng góp theo quy định hiện hành.

b) Chế độ miễn các khoản đóng góp:

Miễn các khoản đóng góp tại điểm a khoản 6 Điều này theo quy định hiện hành về giá dịch vụ khám, chữa bệnh.

Hằng năm, tại thời điểm lập dự toán, các cơ sở y tế được giao nhiệm vụ cắt cơn, giải độc ma túy chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường lập dự toán phù hợp với tình hình thực tế, gửi Sở Y tế tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Hỗ trợ người được cử đến cơ sở cai nghiện công lập tiếp nhận người hoàn thành thời gian cai nghiện về địa phương để theo dõi, giúp đỡ, quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú với mức 150.000 đồng/lần.

Hằng năm, tại thời điểm lập dự toán, cơ sở cai nghiện công lập chịu trách nhiệm lập dự toán, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

8. Hỗ trợ người được phân công quản lý, theo dõi, hỗ trợ công tác phòng, chống tệ nạn ma túy tại cộng đồng (một người chỉ được phân công quản lý không quá 03 đối tượng cùng lúc) với mức 350.000 đồng/tháng/đối tượng, cụ thể:

a) Người được phân công quản lý, theo dõi người có nguy cơ cao nghiện ma túy; người đang cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng: Thời gian hỗ trợ không quá 12 tháng kể từ ngày được phân công quản lý.

b) Người được phân công quản lý, theo dõi đối tượng đang chấp hành quản lý sau cai nghiện: Thời gian hỗ trợ không quá 24 tháng kể từ ngày được phân công quản lý.

Hằng năm, tại thời điểm lập dự toán, Ủy ban nhân dân xã, phường chịu trách nhiệm lập dự toán phù hợp với tình hình thực tế, gửi Ủy ban nhân dân quận, huyện tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9. Chi bồi dưỡng cho cán bộ họp Tổ tư vấn, thẩm định hồ sơ đưa người nghiện ma túy đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của quận, huyện với mức 100.000 đồng/người/cuộc họp (gồm Trưởng các Phòng: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tư pháp, Y tế; Trưởng Công an quận, huyện và cán bộ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội làm thư ký cuộc họp).

Hằng năm, tại thời điểm lập dự toán, Ủy ban nhân dân quận, huyện xây dựng dự toán, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

10. Hỗ trợ tổ chức phiên họp tại cơ sở cai nghiện công lập để xét, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

a) Chi bồi dưỡng cho Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân, đại diện Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện với mức 100.000 đồng/người/phiên họp.

b) Hỗ trợ chi phí xăng xe, chi phí tổng đạt với mức 190.000 đồng/phiên họp cho Tòa án nhân dân thành phố.

c) Hỗ trợ chi phí xăng xe với mức 150.000 đồng/phiên họp cho Viện Kiểm sát nhân dân thành phố.

Hàng năm, tại thời điểm lập dự toán, cơ sở cai nghiện công lập dự toán kinh phí hỗ trợ theo điểm a khoản 10 Điều này phù hợp tình hình thực tế, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tòa án nhân dân thành phố lập dự toán kinh phí hỗ trợ theo điểm b khoản 10 Điều này và Viện Kiểm sát nhân dân thành phố lập dự toán kinh phí hỗ trợ theo điểm c khoản 10 Điều này; gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

11. Hỗ trợ người hoàn thành chương trình cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện tập trung trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, có thời gian sau cai nghiện đủ 05 năm trở lên không tái nghiện ma túy (tính đến ngày Ủy ban nhân dân xã, phường họp xét), với mức 10.000.000 đồng/đối tượng.

a) Điều kiện hỗ trợ

- Là người có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại thành phố Đà Nẵng.
- Không vi phạm pháp luật về an ninh trật tự đến mức bị xử lý vi phạm hành chính hoặc hình sự.
- Không sử dụng lại ma túy.

b) Nguyên tắc hỗ trợ: Việc hỗ trợ được tiến hành trực tiếp bằng tiền mặt và mỗi đối tượng chỉ được hỗ trợ 01 lần.

c) Quy trình thực hiện

- Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện tổ chức thử, test chất ma túy đối với các trường hợp đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại điểm a khoản 11 Điều này; tổ chức họp với các ngành chức năng ở cấp xã gồm: Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Công an, cán bộ phụ trách phòng chống tệ nạn xã hội; các ngành, các hội đoàn thể khác (nếu cần thiết) để xem xét từng trường hợp. Tổng hợp danh sách đủ điều kiện, gửi về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện.

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Công an quận, huyện thẩm định danh sách, trình Ủy ban nhân dân quận, huyện có văn bản gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Công an thành phố phúc tra, tổng hợp danh sách, gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kinh phí hỗ trợ.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và thay thế Nghị quyết số 198/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định các nội dung, mức chi và chế độ miễn giảm, hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và bãi bỏ nội dung “thông qua Tờ trình số 4484/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về chính sách hỗ trợ người cai nghiện ma túy thành công từ 05 năm trở lên, không tái nghiện trên địa bàn thành phố” tại Nghị quyết số 26/2012/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2012 của HĐND thành phố về nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2012.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021, Kỳ họp thứ 16, thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước; VP Chính phủ;
- Bộ LĐTB&XH, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ LĐTBXH;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc của Thành ủy;
- Đại biểu HĐND thành phố; Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBND, UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Quận, Huyện ủy; HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam các quận, huyện; HĐND, UBND phường, xã;
- Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.



Lương Nguyễn Minh Triết